

Bút Ký

Tháng Ba Đói (5)

GS Bút Xuân TRẦN ĐÌNH NGỌC

Có một gia đình mẹ góa con cô, mẹ tôi hết sức giúp đỡ nhưng cũng không qua khỏi lưỡi hái thần Đói. Bác Nâu, tên ông chồng, xưa kia là chân sào đi bè cho ông nội tôi. Chuyển bè đó từ Việt tri về, nước lũ chảy xiết, bè dài cả cây số và nặng vậy mà nước cuốn đi băng băng, không nhanh mắt lái tránh các cù lao, các chỗ đường vòng là bè đập vào bờ hoặc tàu bè khác cũng đang đi trên sông, bè sẽ tan ra ngay và tan cả tàu bè của người ta. Bác Nâu đang đứng trên bè nhìn dòng sông chảy xiết, chợt cái khăn trên đầu bác bị gió thổi bay, bác với tay ra chụp lấy nó nhưng mất đà, bác lao xuống sông. Với một tay đi sông nước nhiều năm như bác Nâu, chỉ sải mấy cái là lại ôm được bè trôi lên, rất dễ dàng. Nhưng không hiểu sao, bác Nâu không nổi lên mà bị nước cuốn đi mất tăm mất dạng. (Sau này người ta đoán có lẽ bác bị nước lạnh, vộp bè). Cả bè được báo động. Ba người xung phong nhảy xuống sông đi tìm bác Nâu, biết đâu bác tấp vào một cù lao hay bến bờ nào đó. Bè vẫn xuôi, như thông lệ khi có chuyện không may xảy ra, ba người này sau khi tìm ra tung tích bác Nâu, sẽ dùng đường bộ đuổi theo bè và lên bè. Nhưng hoàn toàn vô vọng. Những người làm nghề nói khúc sông đó có “rốp”, năm nào Hà bá cũng bắt đi ít nhất một người mới xong.

Ông bà nội tôi giúp bác Nâu gái một số tiền, lại hứa sẽ cho anh con cả đi bè thế bố nếu anh ta muốn. Khi ông bà nội tôi mất, chính mẹ tôi thường giúp đỡ gia đình này. Trận đói chụp xuống, bác Nâu vay vố, nhờ vả mẹ tôi đã nhiều nên ngại ngùng. Một bữa bác mang tới nhà cho mẹ tôi giấy tờ nhà đất để cầm cố lấy tiền về nuôi con. Mẹ tôi nói:

- Chị đừng nghĩ vậy. Em có dư thóc gạo thì em giúp chị nuôi các cháu chứ cầm nhà, cầm đất của chị làm gì? Gia đình em rồi đây cũng không biết có thóc gạo đủ cầm hơi đến mùa sang năm không. Nhà đất, ngay đến tiền bạc giờ này đều vô nghĩa hết chị à. Em còn nữa thúng thóc đây, chị đội về xay cho các cháu nấu cháo. Em dư dả em không tiếc chị đâu.”

Bác Nâu gái khóc với mẹ tôi:

- Mợ đã quá tốt với chị và các cháu. Mợ cũng giúp mọi người như xưa hai cụ Trùm (ý nói ông bà nội tôi) còn sống. Nhưng mợ ạ, ăn hết chỗ này rồi lấy gì ăn tiếp mà sống đây? Mợ có lại nhà chị mợ thấy các cháu mợ mới rõ sự tình. Đứa nào đứa ấy gầy như cái xương đay, hai mắt lõm sâu. Mợ nhìn tôi là thấy.”

Nói xong bác lại ngồi khóc. Mẹ tôi phải yên ủi:

- Thôi chị ạ. Tai trời ách nước, mọi người đều chịu chẳng phải riêng ai. Người ta chết nhiều lắm rồi. Em nghe người ta kéo nhau lên các thành phố ăn xin đồng lương vì ở thành phố Chính phủ còn bán gạo bông mỗi tháng mỗi người cũng mua được mấy kí-lô. Hay chị và các cháu thử nghĩ xem con đường đó may có sống không?”
- Tiền chỉ còn chút đỉnh, mợ nghĩ 5 mẹ con tôi có lên được tới tỉnh không?”
- Chị ơi, em cũng rối ruột quá, chính gia đình em cũng không biết có ngày mai không. Nếu nhà em không tiếp tế từ Hải phòng về thì có lẽ mẹ con em cũng chết rồi.”

Vài ngày sau đó, bác Nâu cùng 5 đứa con theo một gia đình khác lên tỉnh Nam Định làm hành khất và mẹ tôi không còn gặp bác nữa. Sau vụ đói, có người ở tỉnh về kể chuyện cho mẹ tôi nghe là họ có gặp bác Nâu và hai đứa con, ba đứa đã chết, vài tuần sau bà ta trở lại khu đó hỏi thì người ta nói chị Nâu và hai đứa con còn lại cũng đã chết mấy ngày rồi. Với những biến cố khác, người ta bán nhà cửa, đồ đạc lấy tiền sống tạm. Năm đói Ất Dậu, nhà cửa, ruộng đất bán không ai mua. Khi cái bao tử trống rỗng, người ta chỉ nghĩ đến cái gì có thể bỏ vào đó cho tạm yên sự đòi hỏi. Người đói có thể làm bất cứ hành động nào để giải quyết cho cái bức bách của bao tử kể cả giết người!

Trời rét cần rét lụn. Những người sống sót vụ đói năm Ất Dậu đều đồng ý sao năm đó rét quá. Có lẽ lạnh một phần vì thân thể đã hết chất thịt, chất mỡ, những chất sinh ra năng lượng để chống lạnh. Cả thân thể chỉ còn da bọc xương nên càng cảm thấy lạnh. Đói và lạnh, hai cái hỗ trợ cho nhau, giết dần con người. Những người canh điền làm việc ruộng nương ở quê tôi - cũng như hầu hết những vùng nông thôn khác - khi no cơm ấm áo, các anh ấy khoẻ mạnh lắm. Nước da nâu dạn dày sương gió, các bắp thịt cuộn cuộn nở nang, nguyên cái bắp vế đã bự sụ, gân guốc, cặp đùi to như hai con lợn nhỏ, hai cánh tay cũng to, khoẻ; ngực nở, vạm vỡ có thể vật ngựa một con bê, một con dê lớn hay một con nghé tròng tròng như chơi. Vậy mà bây giờ? Cái đói đã làm tiêu hao hết, rút cạn kiệt hết. Hai cẳng chân và hai cánh tay như hai ống sậy - người miền Bắc gọi là hai cái xương đay - cần cỏ cũng rút lại như cái xương đay thì sao mà sống được. Canh điền làm ruộng cho mẹ tôi, anh Rói, có bữa anh ăn một hơi mười bát cơm dễ dàng. Chẳng phải cơm không mà còn thêm một tô canh lớn, thêm cà mắm, dưa chua, tôm cá vv... Ăn nhiều như thế đến khi không có mà ăn là quị trước. Đây

cũng là những kinh nghiệm đau thương của những người tù cải tạo, nguyên là quân, cán, chính VNCH ở miền Nam, với Cộng Sản sau 30-4-75. Những người to con, lớn mã thường ăn nhiều, nay không có mà ăn hoặc chỉ chút ít cảm hơi, sẽ đói là ngay ngược lại những người nhỏ thó, bao tử nhỏ, quen ăn ít ắt sẽ chịu cái đói dễ hơn.

Xóm tôi, xóm cây Bàng, lấy tên từ hai cây bàng trồng hai bên bến đá mà một trong hai cây ấy, chính tay tôi trồng khi tôi ở tuổi thiếu niên. Nó lớn như thổi vì tôi tưới chú Điều trong xóm mọc bùn sông lên bờ cho nó. Xóm cây Bàng trước trận đói có khoảng trên ba mươi nóc nhà. Có nhà anh em ở chung nên số gia đình khoảng trên bốn mươi. Vậy mà sau trận đói, số gia đình còn lại chỉ khoảng bảy, tám. Trong bảy, tám gia đình đó, chỉ khoảng năm gia đình là toàn vẹn. Ba gia đình kia đều có người chết đói. Vườn tược không còn thứ rau gì có thể ăn mà bỏ sót. Những cây mồng tơi già chỉ còn trơ mấy cái gốc sần sùi vẫn được cắt về bếp luộc lên nhai. Những cụm rau sam đã hết sạch. Những cụm khoai môn, khoai ngựa, khoai ráy, những củ giông, củ chóc, ngay cả những củ nghệ, củ gừng, củ địa liền, nói tóm lại tất cả mọi thứ có thể nhai nuốt vào bụng được mà không độc, không chết, chỉ trừ lá tre vì chỉ trâu bò mới ăn lá tre, là được chiếu cố tận tình. Ngay như lá lười rần, chưa biết hay dở thế nào vẫn có người cắt đem luộc ăn, cho con ăn.

Trời cao đất dày ơi! Tôi biết phải tả làm sao để bạn đọc hình dung được, cảm nhận được, thấu hiểu được cái đói vắt ruột vắt gan kết liễu đời con người chỉ trong dăm, ba ngày mà là dăm ba ngày vô cùng đau khổ, thê thiết, tuyệt vọng? Những ai đã phải nhịn đói lúc đi tàu vượt biển hoặc ở trong tù cải tạo biết được cái đói nó hung ác dã man thế nào! Nó quật người ta như quật một con ngoé. Nó dữ tợn đến nỗi một anh khổng lồ bình thường có thể nhấc bổng cả tạ gạo, lúc bắt nhịn đói mềm người thì yếu ớt như thằng bé mười tuổi. Anh khổng lồ chỉ khoẻ khi trong bụng no, khi cái bao tử đã được thoả mãn.

Lúc còn lúa gạo nghĩa là chưa quá đói, tức khoảng đầu năm 1944, có những người nấu cơm, nắm từng nắm bằng nắm tay đem ra chợ bán kiếm lời cho con ăn. Thúng cơm vừa đặt xuống, lập tức có cả vài chục người nhào tới cướp, bỏ vào miệng, nuốt vội nuốt vàng. Người đàn bà bán thúng cơm đành đứng nhìn cho chúng cướp sạch sành sanh, ngơ ngẩn ra về tay không. Ngày mai, bà ta lại ra chợ với thúng cơm nắm như hôm nay nhưng có thêm hai người đàn ông cầm hai cây gậy tre đực già, đứng gác hai bên cho bà ta bán. Nhưng chỉ được mấy phút, cả vài, ba chục con ma đói nhào vào cướp cơm. Những cây gậy phang xuống thân người không nương tay. Những cú đá, cú đập quyết liệt để đuổi lũ ma đói. Nhưng những người đang đói không còn nhìn thấy gì ngoài những nắm cơm. Họ chịu đòn để cố cướp những nắm cơm thồn vào miệng, nuốt (không kịp nhai), nghẹn trợn trắng con mắt. Hai cây gậy liên tục giáng xuống người họ như mưa bắc nhưng họ vẫn xông vào vồ những nắm cơm. Năm, bảy người chết lẫn ra cạnh đó vì trúng những đòn quá đau hoặc phải chổ nhược. Thúng cơm chưa thu về được đồng bạc nào nhưng trước mặt những người bán là những xác chết, đôi mắt trợn trừng, miệng còn miếng cơm nhai dở lẫn với máu làm đỏ hoe miếng cơm, có xác vẫn chưa hoàn toàn chết hẳn.

Chính mắt tôi cũng thấy người đàn bà nằm chết bên vệ đường, đứa con dăm, bảy tháng vẫn còn rúc vào vú mẹ, nút lấy chút sự sống. Và cảnh khác, xác người nằm chết bị chó đói, mèo, chuột đói làm thịt. Chúng nhai những mảnh da và cả những khúc xương. Cảnh địa ngục trần gian diễn ra khắp mọi nơi trên toàn lãnh thổ Bắc Việt vào đến Thanh Nghệ Tĩnh, con người ở vào đường cùng tìm mọi cách xâu xé nhau, cướp giết, trộm cắp để kiếm lấy cho mình một chút sự sống. Cho chính mình mà không là ai khác như người ta thường nói: "Cha bỏ con, anh bỏ em, đầy tớ bỏ thầy". Có còn cảnh nào thảm hơn không?



Biết miền quê khó lòng chịu đựng nổi, thầy tôi cho người về tiếp tế cho mẹ tôi và đón hai anh em tôi ra Hải phòng. Nào Hải phòng có hơn gì thôn quê. Và cả Hà Nội nữa. Mỗi buổi sáng, xe vệ sinh của thành phố đi gom nhặt các xác chết nằm rải rác trên đường, trong công viên, nhà ga xe lửa, chợ, sân trường, sân nhà thờ, ngay cả trước các cánh cổng tư nhân vv...chất đống trên xe như đống rác đem ra ngoài ô đào lỗ, thầy từ thi xuống, rắc vôi bột lên xong lấp lại.

Vì xung phong gia nhập "Đoàn Thanh Niên Cứu Đói", hằng ngày đã có gặp, chúng tôi dễ làm quen với ông tài xế và hai người phu trên một cái xe hốt xác. Được hỏi, ông tài xế trả lời:

- Ngoài xe chúng tôi còn hai xe nữa cũng đi hốt xác cả ngày. Mỗi chuyến xe chở được từ 30-40 người, có khi hơn vì người nào người nấy chỉ còn bộ xương khô. Ngày đi đổ xuống hố dăm, sáu chuyến là thường.

Những hố chôn tập thể, có hố dăm, bảy trăm, có hố cả ngàn hoặc vài ngàn. Không thể nào đếm được. Thảm thương lắm các cậu ạ. Có người còn ngắc ngoải, chưa chết hẳn nhưng chúng tôi làm gì được đây? Phải là cơ quan y tế săn sóc cho ăn uống, thuốc men, họ mới sống được vì đã yếu quá rồi!”

Một người khác:

- Phải có công việc gì thì chúng tôi cũng bỏ cái nghề đi lượm xác này vì vừa làm vừa thấy thương lắm dù họ không phải ruột thịt bà con dòng họ, làng nước gì với mình nhưng là cái nghĩa đồng bào trong cơn hoạn nạn với nhau. Hồi đầu tôi không làm được vì cứ nhìn họ là chảy nước mắt. Qua cả tuần, người chết qua tay nhiều quá nó mới quen đi.



Người phu này nói đúng. Các Thanh niên chúng tôi cũng không hơn gì ông ta. Đến những khu người chết, người sống lẫn lộn, người nào trông cũng như con ma đói, chẳng còn một tí gì gọi là con người, chúng tôi mũi lòng nước mắt lã chã tuôn rơi. Nhưng rồi anh đội trưởng ra lệnh bắt tay vào việc phát cơm, chúng tôi vui vẻ làm phận sự vì đang mang đến niềm vui và sự sống cho họ. Một ngày một người chỉ được hai nắm cơm nhỏ, người lớn và trẻ con như nhau. Những đứa trẻ nhỏ quá chưa nhai được thì mẹ nó phải nhai ra mớm chửi đào đâu ra sữa? Trưa phát một lần, khoảng 5 giờ phát lần nữa vì nếu phát cả hai nắm buổi sáng, hầu hết ăn luôn cả hai nắm, tối lại đói meo. Bịch muối để ở giữa nhà, ai cần thì tự động đến lấy cái muống để sẵn múc vào bàn tay. Chúng tôi cũng dặn họ đừng ăn mặn kéo khát nước, uống nước nhiều vào, bụng đang yếu, nước chỉ là nước máy chưa đun sôi e sinh tiêu chảy. Cơ thể của họ trực trặc nặng nên rất dễ sinh ra đủ chứng thổ tả, tiêu chảy, kiết lỵ, những bệnh về đường ruột. Cũng có thể vì chúng tôi cho họ ăn từ từ, đói đói mà hầu hết những người đó sống qua trận đói chứ không như ở vùng quê, không được chỉ dẫn, nhiều người đã chết no (xin đọc ở dưới).

Pháp nhìn thấy nạn đói, biết rõ dân Bắc Việt sẽ chết cả triệu nhưng Pháp nhẫn tâm làm ngơ không mở kho gạo ra bán hoặc phát cho dân nghèo thành phố mà chỉ nhỏ giọt để giúp cư dân thành phố - Pháp cai trị trực tiếp - khỏi chết đói, nghĩa là căn cứ vào Sổ Gia đình do Khu phố thiết lập, mỗi người mỗi tháng được mua 10-15kg gạo chẳng hạn (tôi đã quên con số chính xác). Người không có địa chỉ tức không có Sổ Gia đình không được mua. Từ sự hà tiện gạo đó, Đoàn Thanh Niên Cứu Đói cũng phải “thắt lưng buộc bụng” chỉ giúp những người đói qua được cơn ngặt nghèo mà thôi.



Như đã trình bày, hầu hết những người chết ở thành phố là dân miền quê lên tỉnh xin ăn, mặc dù ở Hà nội, Hải phòng có những đoàn Thanh niên, Sinh viên Cứu đói đem cơm nắm đi phát nhưng không xuể vì người đói quá nhiều. Và lại, đã quá đói lại thêm cái lạnh thấu xương, ngủ bờ ngủ bụi, dơ bẩn, mất vệ sinh tháng này qua tháng kia, người đã quá yếu, vi trùng xâm nhập dễ dàng và đột quỵ cũng dễ dàng. Cũng có những người nếu gặp được Đoàn Cứu đói sớm một đêm thì sống, để qua trưa hôm sau đoàn Cứu đói đến thì đã nghèo đầu gối chết cạnh bờ tường một ngôi chợ. Tôi để ý và lấy làm lạ, hầu như 80% những người chết người nào cũng chỉ phong phanh một cái áo cánh, một cái quần. Họ không có lấy một cái áo ấm để chống lạnh làm sao chịu nổi

với cái rét “chết cá dưới ao” của Bắc Việt? Người miền quê không có tiền sắm áo len, áo dạ mà chỉ áo bông, áo mền, áo đụp. Có thể đi dọc đường, họ đã đánh mất hoặc đổi lấy cơm ăn cho những kẻ còn cơm gạo trên các nẻo đường. Thường bụng đói bao giờ cũng lạnh hơn bụng no và người béo bao giờ chịu lạnh cũng khá hơn người gầy còm mà tháng Ba đói năm Ất Dậu, ai đã sống qua cũng đều nói sao cái năm ấy nó rét “tàn thần” vậy! Không nghĩ gì đến chuyện học - đồng bào chết lẫn cả ra nhan nhản khắp góc phố ai có thể bình tâm ngồi học? Mà học để làm vua làm quan gì?

Tới Hải phòng ngày hôm trước, hôm sau hai anh em tôi xung ngay vào đoàn Thanh Niên Cứu Đói do thầy tôi khuyến khích mà thầy tôi cũng đang là một thành viên trong Ủy Ban Cứu đói của thành phố. Hôm đến xin gia

nhập, anh Trường đoàn tên Tụ phát tạm cho mỗi người một bộ quần áo đồng phục, áo sơ-mi dài tay bằng vải kaki vàng, dày, Nam định, có thêm cầu vai như quân đội, quần kaki xanh lá cây già, một cái mũ như mũ Hướng Đạo màu xanh già có quai rịt xuống cằm, một huy hiệu tròn đeo trên ngực có chữ “Thanh Niên Cứu Đói” và cái nơ vàng hai giải dài khoảng gang tay đeo ở vai trái. Chi đoàn chúng tôi lấy tên Quang Trung, đoàn viên khoảng 42 thanh niên nam nữ, mỗi sáng đúng 8 giờ tập họp tại nhà anh Đoàn trưởng ở phố Cầu Đất, điểm danh, ghi công đảng hoàng. Cơm đã được các nhà nhận thối và nắm lại từng nắm bằng nắm tay nhỏ nhỏ to khoảng ba cái trứng gà. Cơm vừa nắm xong còn nóng hổi, chúng tôi nhận mỗi người 40-50 nắm chất đầy vào ba-lô xong lên đường.

Bốn mươi hai người chia ra làm 8 đội từ 1-8, mỗi đội được phát một miếng giấy ghi rõ lộ trình và chỉ được hoạt động trong các khu phố thuộc lộ trình đó mà thôi để tránh sự trùng hợp vì người đói quá nhiều mà cơm gạo chỉ có hạn. Khẩu hiệu của chúng tôi là:

*“Miếng khi đói bằng gói khi no”
”Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng”*

Hoặc:

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”.*

Ngày nào không đi phát cơm, chúng tôi đến những thương gia, những nhà giàu có quyền gạo, quyền tiền, để anh Trường Đoàn điều động người đi đong gạo rồi giao cho những nhà lãnh nấu. Chúng tôi luân phiên công tác, mỗi người đều được tham dự cả hai phần vụ nếu muốn và trong đoàn thì nam nữ làm việc chung, tinh thần yêu nước, yêu đồng bào rất cao. Tuy chúng tôi không giúp hết được những người đói nhưng chúng tôi cũng đã cứu sống được cả chục, cả trăm ngàn người. Sau này trên báo chí còn đọc những lời đăng cảm ơn rất cảm động. Nhiều người nói nếu không có Đoàn Thanh Niên Cứu Đói, số người chết còn nhiều nữa. Ở Hải Phòng lúc đó có khoảng 12 Đoàn như Đoàn Quang Trung của chúng tôi phân phối đi phát khắp hang cùng ngõ hẻm và cả ngoại ô. Tôi không làm việc ở thành phố Nam định (tỉnh nhà) nên không biết đoàn Thanh Niên Cứu Đói tỉnh này hữu hiệu đến đâu và cũng không biết những người làng, người tổng tôi có lên tới Nam Định mà xin ăn không.

Năm 1947, khi tôi trở lại làng mới biết được rất nhiều gia đình đã chết đói. Dù sao, gần hai triệu đồng bào ruột thịt miền Bắc đã làm mồ cho thần Đói bởi chính sách tàn ác của quân phiệt Nhật và thực dân Pháp. Chính những yếu tố này làm sục sôi thêm lòng căm thù ngoại bang khi cuộc Tổng khởi nghĩa 19-8-45 nổ ra như một quả bom dội vào đầu quân thù. Ông Hồ chí Minh thành lập Chính Phủ Liên hiệp. Những Bộ, Sở quan trọng như Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin Tuyên truyền - những bức tường thành để củng cố chế độ - Việt Minh nắm giữ cả. Tôi nhớ ông Trần huy Liệu là Bộ trưởng Thông Tin Tuyên Truyền. Mọi chính sách của Chính Phủ, mọi việc người dân phải làm đều do Bộ này phát thanh ra rả hàng ngày. Việc đầu tiên của CP này là tịch thu tất cả sách báo Pháp ngữ cũng như Việt ngữ xuất bản từ 1945 trở về trước đem đốt hết, nói rằng đó là tàn tích của thực dân phong kiến bóc lột. Bao nhiêu công trình Văn hóa, nghiên cứu nhiều đời nay chịu thiêu rụi với những lời phỉ nhổ ... (tác giả tự ý bỏ một đoạn) Nạn đói mới xong thì lại đến nạn “huynh đệ tương tàn” mà ai cũng thấy, cũng kinh hoàng.

Chương trình Pháp ở các thành phố dĩ nhiên bị bỏ. Sách Giáo khoa trước đây toàn là sách Pháp, dùng để giảng dạy học sinh, sinh viên. Nay bỏ hết nên nếu còn nhà giáo nào theo đuổi và được chấp thuận cho dạy thì cũng lúng túng vì thiếu sách giáo khoa Việt ngữ. Nếu muốn chuyển ngữ cũng mất một thời gian dịch thuật, in ấn, phát hành mà cơ quan đảm trách việc này là Bộ Giáo dục thì không hữu hiệu để lo. Tiền, gạo nếu có, Chính phủ còn lo mua vũ khí, nuôi bộ đội để thực hiện những mưu đồ lớn lao..., đâu có dùng để in sách, mượn thầy dạy học? Phong trào bài Pháp còn đi đến chỗ cực đoan, tiếng Pháp bị coi là ngôn ngữ của đế quốc thực dân, ai có chút vốn liếng tiếng Pháp đã học khi xưa cũng phải giấu đi, quên đi, lờ đi nếu không muốn bị kỳ thị, bị khinh khi như phản động Việt gian hoặc nhẹ hơn, có đầu óc nô lệ ngoại bang.

Lúc còn Pháp thuộc, thầy tôi hoạt động Cách mạng kháng Pháp giành Độc lập cho nước nhà với các đồng chí của ông tích cực hơn, dễ dãi hơn là sau ngày 19-8-45. Vì còn quá nhỏ, tôi thực không rõ thầy tôi ở trong đảng phái nào. Chỉ biết ông đã sang Tàu và Nhật hồi phong trào Đông Du rầm rộ. Mẹ tôi có lẽ biết ít nhiều nhưng sợ con trẻ lấp bấp làm hại thầy tôi nên chỉ ừ ào cho qua khi được hỏi. Khi tôi đã trưởng thành, trên 20 tuổi và mẹ

có thể tin tôi được thì lúc đó tôi ở Hà Nội, rồi vào Nam; còn mẹ tôi vẫn cứ phải gắn bó với ngôi nhà (vì thầy tôi là con trai duy nhất của ông bà nội), thừa vườn và mẩu ruộng tư lo cho các anh chị tôi còn ở thôn quê cũng như thực hiện lời phó thác của thầy tôi khi ông xa nhà là cố giữ gìn sản nghiệp ông bà tôi để lại cho. Ít năm sau, thầy tôi mất nên những gì về cuộc đời hoạt động bí mật của ông cũng theo ông ra đi vĩnh viễn. Có một điều tôi biết chắc chắn vì ông có nói với tôi về ông ... ngày đầu tiên ông Hồ từ Hà Nội xuống Cảng xuất hiện trước đồng bào Cảng sau ngày Tổng Khởi Nghĩa của toàn dân 19-8-45. Khi hai bố con tôi cùng rất đông cư dân thành phố Hải Phòng đến Nhà Hát Lớn nghe ông ...

Tôi nghe bố nói mà hoang mang vì trong lòng, tôi cũng kính yêu bác Hồ lắm. Không lẽ một nhà cách mạng được báo chí và mọi người ca tụng là suốt đời hi sinh cho dân tộc, chịu cực chịu khổ trong chiến khu, ăn mặc rất bình dân tầm thường, không bao giờ có vợ con vì nguyện suốt đời hi sinh cho dân tộc, đứng lên kêu gọi toàn dân đuổi Pháp giành Độc Lập, hứa hẹn mang lại Tự Do, No ấm và Hạnh Phúc cho toàn dân, lại có thể như thầy tôi nói với tôi? Tôi vốn kính trọng thầy tôi nên rất để ý những lời thầy nói nên dù lên thầy mẹ xung phong vào đoàn thể này, đoàn thể kia cho thỏa chí trai nhưng vẫn để tâm xem xét sự việc. Chẳng bao lâu tôi đã tìm ra cái cốt lõi đệ tam quốc tế và từ đó, lòng quý trọng ... giảm dần khi tôi thấy dân tộc Việt Nam không thích hợp với chủ nghĩa vì còn rất đồng bào không theo đạo này thì theo đạo khác, nghĩa là hữu thần. Dân tộc Việt Nam cũng gắn bó với gia đình, thờ cha kính mẹ, tôn trọng lễ giáo tiết nghĩa....(bỏ một đoạn dài) Ngày nay, khi đã lớn tuổi, đã kinh qua nhiều chế độ và rút được khá nhiều kinh nghiệm, tôi nghiệm ra rằng, tôi vẫn còn may mắn hơn nhiều triệu người, đồng bào của tôi, khi "*bừng con mắt dậy thấy mình tay không!*" lại còn đắc tội với Tổ quốc, trong đó đau đớn nhất là những Lâm, những Dương, những Lê... (tự bỏ một trang) và cả những đồng viên của tôi ở Hạ Nghị viện Việt Nam Cộng Hòa như Phan Xuân Huy, Kiều mộng Thu, Hồ ngọc Cứ, Lý quý Chung, Vũ văn Mẫu, Hồ văn Minh, Trần văn Tuyên, Nguyễn văn Bình và Nhóm Quốc Gia Hạ Viện, ông sư giả dạng Trí Quang và cả nhạc sĩ tài danh Trịnh công Sơn v.v... không danh sách nào có thể liệt kê hết.

Lại nói lúc đó mẹ tôi đang buôn bán ở thôn quê để tìm sinh kế cho gia đình. Mẹ tôi mở một tiệm thuốc cao đơn hoàn tán, dùng những bài thuốc của thầy tôi để chữa bệnh cho người lớn, trẻ em những bệnh thông thường như cảm mạo, đau bụng, tiêu chảy, nhức đầu, phong thấp hoặc thuốc bổ cho những người gầy yếu, kém ăn kém ngủ, thuốc ngâm rượu, cao ích mẫu v.v... Cách tiệm mẹ tôi dăm chục thước cũng có một tiệm cao đơn hoàn tán khác, người chủ Tàu lai, tên là ông Trùng. Trước kia, ông Trùng làm nghề bán sơn ta và mấy thứ lật vặt khác, ông ta chưa hề theo học Đông Y nhưng sưu tập được ít nhiều đơn thuốc của nhiều người cho bèn mở tiệm Đông Y chắc hẳn sẽ có đông khách. Nhưng vì dân hàng tổng biết rõ ông không có nghề thầy thuốc nên họ không đến mua thuốc, mua cao của ông mà chỉ đến tiệm của mẹ tôi. Ông Trùng bèn thuê người phao lên rằng chỉ có thầy tôi mới biết thuốc men mà thầy tôi vắng nhà nên mẹ tôi bán những thứ thuốc không phải gia truyền, không công hiệu gì. Dù thế, bệnh nhân đến tiệm mẹ tôi ngày một đông, thuốc hoàn tán làm không kịp cho khách đặt mua (lúc đó tán thuốc bắc bằng cối đá, rất chậm, sau này có thuyền tán, nhanh hơn nhiều).

Nói xấu không xong, ông Trùng dùng cách khác. Một đêm ông cho ba người đàn ông đem búa, rìu, dao rùng đến phá căn tiệm của mẹ tôi. Căn tiệm này chỉ ban ngày mẹ và chị tôi ở đó bán hàng, tối khoá cửa về nhà ngủ vì nó không có tiện nghi để ngủ lại. Ba thủ hạ của ông Trùng phá cửa, xông vào đập phá những chai lọ đựng thuốc nát ngấu ra hết, sau đó rút lui. Không may cho họ, vừa ra khỏi thì ông Trương tuần Điền và tuần tráng ập tới, bắt cả ba trói điệu về trụ sở giam lại, hôm sau lý trưởng đến làm biên bản giải huyện. Ba người này khai họ được ông Đông y sĩ Trùng mượn làm. Ông Trùng bị bắt giải lên huyện. Ngay sau khi tuần tráng bắt được ba hung thủ, có người quen đã đến báo cho mẹ tôi hay. Mẹ và hai chị lớn tôi ra đình coi ngay nhưng không vào trong căn tiệm vì để cho nhà chức trách lấy dấu tay. Mẹ tôi cũng bị đòi lên huyện để phỏng vấn. Cuối cùng Đông y sĩ Trùng bị hai năm tù và hai mươi đồng tiền phạt. Lại phải đền các thứ hư hỏng cho mẹ tôi. Từ vụ đó, mẹ tôi dặn chúng tôi ai đối xử với mình ra sao tùy họ nhưng mình cứ điều tốt mà làm, ắt ông trời không phụ. Thời gian đó, thầy tôi vẫn đi biệt với các đồng chí của ông chỉ lâu lâu mới cho người đưa tin về.

Trở lại với trận đói , sau khi gần hai triệu đồng bào Bắc Việt bị thần Đói mang đi, mùa lúa năm đó lại thu hoạch khá, người nào sống sót không bị đói nữa. Nhưng hết chết đói, đến bây giờ lại chết no. Thực vậy, có nhiều người, vì đói quá lâu ngày, nay được ăn cơm, dù thức ăn đạm bạc, họ ăn không biết no. Tôi đã chứng kiến tận mắt một thiếu niên cũng khoảng 17 hay 18 tuổi, đến nhà một người quen làm việc vặt trong nhà và ngoài vườn cho chủ nhà. Người chủ nói, bữa ăn dọn lên, anh ta ngồi ăn hết nguyên một nồi cơm lớn cộng thêm mấy bát canh mồng tơi nấu cua và cà ghém, tép kho. Ăn xong, mặt mũi anh ta tự nhiên đỏ ké, hai mắt trợn trừng,

cái bụng phình chướng như người đàn bà sắp sinh, nằm vật vã ít phút rồi chết. Khi tôi đến gặp người chủ nhà thì anh ta mới chết, còn đặt nằm ngay trên phản. Người ta giải thích, sở dĩ chết vì cái bao tử trống rỗng đã lâu, nay phải cho vào từ từ. Đúng ra phải nấu cháo cho ăn vài bữa cho quen, sau đó ăn cơm ít ít một, sau vài ba ngày mới được ăn no. No đây là vừa đủ, ba bát chẳng hạn. Đàng này nồi cơm cả mười mấy bát ăn vào một hơi, bao tử còn đang yếu, nó bị nứt ra, đâu có chịu nổi ?

Nhờ mẹ tôi biết tận tiện “tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn” và sự tiếp tế khéo léo và đều đặn từ thầy tôi như tiền bạc và gạo, gia đình tôi năm đói không mất một ai. Cũng phải thêm một điều, thường ngày chúng tôi không ăn nhiều nên khi thiếu thực phẩm, chúng tôi nhịn được. Những gia đình nông dân xưa nay quen ăn no, vác nặng, họ ăn gấp hai, gấp ba chúng tôi, nay bị đói, không chịu được, rất dễ mệt mỏi. Cũng có người vì đói quá lấy rau, lá, cỏ nhai bị thứ cỏ độc là vong mạng. Vỏ củ khoai mì rất độc, có những anh em tù nhân chính trị đi tù cải tạo chết vì vỏ khoai mì. Anh em kể chuyện dùng chảo gang lớn luộc khoai mì. Khoai chín, vớt ra. Đội khác lại bỏ khoai mì vào luộc, dùng ngay nước đã luộc cho nhanh vì anh em đi làm về, ai cũng đói, cũng muốn ăn ngay. Mẻ khoai mì trước, chất độc thải từ vỏ ra ngấm vào mẻ khoai sau, anh em sống sót kể lại, sau khi ăn, buổi tối đó, 16 anh đau bụng, dữ dội, ói mửa rồi lăn đùng ra chết vì chất độc quá đậm. Bụng trống, chất độc hoành hành mạnh hơn. Thuốc tây, thuốc ta đều khuyên người bệnh nên ăn uống chút gì rồi hãy uống thuốc, bớt “say” thuốc hơn là khi để bụng đói mà uống.

Thầy tôi đã rất dụng công khi chuyển gạo từ Nam định về làng cho mẹ tôi để nuôi chúng tôi. Mẹ tôi kể thầy tôi có vài người đồng chí đi kháng Pháp cùng nhau đã lâu. Hai bác này có gia đình buôn bán ở chợ Ròng thành phố Nam định. Như tôi đã trình bày, dân thành phố được tiếp tế đều đặn khi có sổ gia đình, nghĩa là đã cư ngụ sáu tháng trở lên ở một địa chỉ được khu, phố chứng nhận. Mỗi tháng mỗi đầu người trong gia đình được mua mười lăm kí gạo, mấy gram muối đủ ăn trong một tháng. Cầm sổ gia đình đến những tiệm buôn gạo, nơi đã lãnh gạo của nhà nước, trả tiền là người ta phát gạo. Tuy vậy, những tiệm buôn gạo vẫn có dư gạo bán chợ đen cho người có tiền. Thầy tôi nhờ hai bác “đồng chí” mua giùm gạo, do thầy tôi đã gửi tiền bằng “mandat” về, lại mượn người mỗi lần đưa mười lăm, vài chục kí, khéo léo ngụy trang dưới những bộ quần áo rách... đem về cho mẹ tôi. Những người này được trả công tử tế nên họ sẵn lòng đi. Và lại, từ chợ Ròng Nam định về làng tôi chỉ chừng 30 cây số, vừa đi vừa về một ngày, người đàn bà đội 15-20 kí gạo trên đầu đối với họ rất nhẹ nhõm. Tới nơi, mẹ tôi lại đãi ăn uống và cho thêm chút tiền hay quà bánh mang về. Lúc đó Việt Minh chưa xuất hiện, Pháp bị Nhật đảo chính ngày 9-3-45, hệ thống hành chính xã thôn do Pháp thiết lập như rấn mắt đầu không còn canh gác hữu hiệu như trước. Dân buôn bán tha hồ đi lại, không ai khám xét. Và vì vậy, mẹ, các anh chị và tôi mới thoát nạn đói.

Qua nạn đói, (khoảng mùa Thu năm 1945), khi thầy tôi sai tôi hướng dẫn mấy nông dân đi mua phân về bón lúa, tôi mới thấy rõ tâm địa ác độc của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật. Như tôi đã mô tả trong truyện ngắn: “*Năm Mùi nhớ chuyện tiết canh dê*” (2003, Quí Mùi), mấy nông dân nguyên là bệnh nhân của thầy tôi ở ngoại ô Hải phòng như Cầu Rào, Trại Cau, bên kia bến đò Bính v.v...muốn mua phân về bón ruộng. Tôi nghĩ thầy tôi đọc báo nên biết mà sai tôi dẫn mấy người này ra bến Sáu Kho Hải phòng chỉ cho họ mua. Nhờ có bảng chỉ dẫn bằng tiếng Pháp, tôi đưa ba người này vào những cái kho lớn (có lính Tây đứng gác) như cái siêu thị Mỹ ngày nay, trong đó những đống đen đen, xám xám cao tới nóc nhà do gạo để quá lâu ẩm mốc, thối rữa mà thành. Cũng có chỗ gạo còn nguyên hột dù đã đổi màu. Mùi ẩm mốc xông lên nồng nặc. Pháp nghĩ sao không hiểu bèn bỏ cáo lên bán cho nông dân đem về bón lúa mà chúng nói rất tốt. Cả mấy chục cái kho lớn như thế tại Sáu Kho, kho nào cũng đầy ắp “phân”, thảo nào dân ta không chết đói? Nhìn những kho phân đó mà cảm giận bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật đến xương tủy. Nông dân bảo nhau nên ngày hôm sau, một đám khác gần chục người tới; tôi lại dẫn họ đi mua.

Giả sử vua Bảo Đại, lấy tư cách là Hoàng đế Việt Nam, đích thân can thiệp với Pháp và Nhật phải để ông mở kho phát gạo cho dân chúng thì có lẽ Pháp và Nhật không từ chối được vì là lí do chính đáng. Nếu chúng không ưng, ông chỉ dọa cho dân nổi loạn đến cướp là chúng sẽ co vòi. Nhưng ông không làm gì, ngay cả đi quan sát dân tình lúc dầu sôi lửa bỏng. Tôi chưa từng thấy một ông vua nào bù nhìn đến thế, một cái nhục lớn cho triều Nguyễn. Giả sử những kho gạo này được mở ra, thiếu gì cách để phân phối gạo một cách công bình. Thí dụ những người có tiền có thể mua theo Sổ gia đình. Dân nghèo quá thì phát không. Các tỉnh thị, các vùng nông thôn như phủ huyện, gạo đều được vận chuyển tới. Với hàng trăm cái kho lớn như thế do sự thu mua, tích lũy lâu ngày từ người Pháp (có lẽ để tiếp tế cho quân đội Nhật, theo lệnh Bộ chỉ huy Nhật nhưng ngay sau đó Nhật phải đầu hàng Đồng Minh, bị bức khí giới và đi làm tù binh nên số gạo này chưa kịp dùng),

nếu được mở kho bán, phát, dân ta sao có thể chết đói được? Giả sử có thì cũng chỉ ở những nơi xa xôi khó vận chuyển và số người chết cũng chỉ sơ sài mà thôi, đâu có lên cả hai triệu người?

Vì chiến tranh lan tràn khắp nơi, tôi phải theo gia đình di tản đến những miền thôn quê bót bom đạn nên không biết sau đó số phận những kho “phân” này ra sao vì nông dân không có tiền và không cần mua nhiều thứ “phân” này để bón ruộng. Tôi cũng để ý theo dõi nhưng không thấy báo chí nhắc đến những cái kho này mà ở những thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình đều có, theo lời thầy tôi.

Xóm cây Bàng - nơi tôi ra đời - sau năm đói trông vắng tanh vắng ngắt như chùa bà Đanh. Bộ mặt xóm cũng thâm nảo như vừa qua một trận bão lớn hay một trận hỏa tai, khác hẳn với trước kia thật đông vui, người đi kẻ lại, trẻ con chơi đùa trên sân điểm canh, dưới bóng mát cây bàng, trên con đường tráng xi-măng xuyên từ đầu đến cuối xóm. Tiếng ru con êm đềm, truyền cảm của các bà mẹ quê. Tiếng xay thóc ù ù, giã gạo bịch bịch. Tiếng sáo diều vi vu trên không những đêm hè, tiếng hò hát của trai gái đối đáp và tiếng lạch bạch bì bõm những mái chèo khua tan ánh trăng thu trên con sông phía trước. Còn ngày Tết? Tiếng thót bẫm rỗng rảng, người gọi nhau ới ới đi đánh đưng lợn, đi gói bánh, luộc bánh chưng đi lễ Phật, đi nhà thờ v.v...

Những hình ảnh, âm thanh thân thương, tha thiết đó nay đã chìm vào dĩ vãng và chẳng biết bao lâu nữa mới có trở lại như xưa.

Tôi không được gặp anh chị Thường và các cháu trước khi đi Hải phòng vì đi quá vội và đi như đi trốn nên từ ngày đó tôi không hiểu tình trạng gia đình anh chị ấy ra sao. Tôi nhớ lần cuối cùng tôi đến nhà anh chị Thường chơi là vào mùa hè năm 1944. Bữa đó mẹ tôi thổi cơm nếp đậu xanh và làm bánh trôi nước. Đám con anh chị Thường hiện ra trong trí mẹ tôi - bà vẫn có tật như vậy - nên mẹ tôi xúc nhiều gạo và đậu lên, còn một ít bột nếp cho cả vào cái thố trộn nước và ngào. Hôm ấy mẹ tôi không còn đường thề để làm bánh mà chỉ còn một ít mật mía để trong vại đã khá lâu. Mẹ và hai chị tôi, người lo nồi cơm nếp, người làm bánh. Cũng chẳng phải sang gì trong khi ngàn vạn người đói nhưng cái năm đói đó lạ lắm. Ăn lúc nào cũng được, ăn xong một lát lại thấy đói bởi mỗi bữa đâu có được ăn no. Không thịt, không tôm cá, chỉ rau, dưa, cà mắm lại càng tiêu hóa dễ. Chẳng phải gia đình tôi mà nhà nào cũng vậy, bới móc trong kẹt trong tủ, trong góc buồng, góc chạn có cái gì ăn được là lôi ra. Thành thử có nhiều gia đình, khi mọi người đã chết hết nếu có ai vào mà bới, mà tìm khắp không còn một hạt gạo, một mẫu khoai. Những thứ gì nuôi sống được con người đã vào bụng hết để cuối cùng chỉ còn cây cỏ, đất cát, tre gỗ, gạch ngói...xung quanh, những thứ không nhai được. Còn nổi niêu thì vứt lung tung vì không dùng đến đã lâu, coi như những đồ vô dụng. Ngay mâm đồng, nồi đồng, xanh đồng trước kia quý giá là thế bây giờ vứt đó chẳng ai ngó ngang bởi nó không đổi ra cơm gạo được. Những nhà giàu có dư thóc lúa không muốn mua vì họ cũng sợ còn đói lâu, thóc gạo của họ đem đổi lấy đồ đồng, đất cát, nhà cửa v.v... rút cuộc ngồi mà nhìn đồng vật không nhai được đó, chết đói. Đó là trường hợp vài gia đình ở làng Xuân bằng. Tôi sẽ kể truyện này ở một chương dưới.

Ở trên đã nói nổi niêu trở thành vô dụng. Quả là chúng vô dụng thật vì gạo thóc, cá mú, rau dưa không có thì nổi xoong dùng vào việc gì? Cũng ví như có thuyền mà không có sông hồ, có kim mà không có chỉ, có cần câu mà không có cá bơi lội dưới ao, hồ. Mẹ tôi lục trong góc buồng ra được mấy bở đậu xanh (bở bằng cái công sữa bò). Gạo nếp cũng còn mấy bở. Đường hết nhưng còn vài bát mật (mía). Tôi còn nhớ bữa đó mẹ tôi bảo tôi ra bể nước mưa múc nước vào cho bà ngào bột, nấu đậu xanh. Bà bảo hai chị tôi nấu cơm nếp thay vì thổi xôi vì muốn thổi xôi, phải ngâm gạo và đậu một đêm. Không ai dám bày vẽ ra lúc này. No ấm, vui vẻ, sung sướng gì mà bày vẽ. Cốt sao ăn cho chắc cái bụng, sống qua ngày là được. Lúc làm xong, trước khi gia đình ăn, mẹ bảo tôi:

- Mấy đứa con anh chị Thường tuần trước mẹ gặp, chúng gầy quá. Bỏ lúa trồng đay cái kiểu này chết đói cả làng, cả huyện, cả tỉnh đến nơi. Gia đình mình không có thầy tiếp tế về thì cũng đói nhăn ra rồi. Con mang thố cơm nếp và ít bánh trôi lại cho các cháu nhé!”

Rồi bà chép miệng:

- Tội nghiệp ông bà Thung và vợ chồng Thường rõ hiền lành tử tế, chịu lam chịu làm. Mấy đứa con ngoan ngoãn, dễ bảo, nhất là cái con Yêu, con gái lớn, một tay nó hết. Nó đã xinh gái mà lại tốt nét, chỉ tội làm cho bố mẹ cực quá, gầy người đi. Thằng con trai nào sau lấy được nó cũng được nhờ. Nọ nay mẹ thấy mặt nó xồm đi vì thiếu ăn. Ông Trời làm cơ cực đến thế này!”

Chị Hai tiếp lời mẹ:

- Mẹ nghĩ nhà ta còn gì giúp anh chị ấy không?”

Mẹ tôi bùi ngùi:

- Cách đây hai tháng, chị ấy đến vay thóc. Mẹ dẫn chị ấy vào trong buồng cho chị ấy coi. Nào có còn bao nhiêu. Sau đó mẹ cho chị ấy chứ không phải cho vay hẳn một gánh. Anh ấy đem quang thúng đến

gánh về. Chị ấy khóc, nói mợ đâu có còn bao nhiêu mà mợ cho con? Mợ cho con rồi lấy gì cho các em ăn cho đến lúc có lúa mới? Mẹ không dám nói đã có cậu gửi từ từ về sợ chị ấy trống miệng nói lung tung ra. Mẹ chỉ bảo:” Dù sao mợ xoay xở cũng dễ hơn con, cứ đem về xay cho các cháu ăn!” Chị ấy vẫn khóc, nói: “Mợ ơi, gánh thóc này gia đình con có ăn cháo qua ngày thì cũng chỉ được tháng rưỡi, hai tháng. Sau đó lấy gì cầm hơi hả mợ? Nhà con còn chút tiền bán đay nhưng không có ai bán gạo, thóc cho mà mua. Làm thế nào hả mợ?” Mẹ phải an ủi chị ấy: “Trời đày đọa cả bản dân thiên hạ chứ có phải riêng một gia đình nào. Đành cứ phải đến đâu hay đó, con ạ! Thôi về bảo anh ấy đến mợ xúc thóc cho.” “Đề lặn mặt trời anh Thường mới đến mợ kéo gánh thóc ban ngày nhiều người nhòm ngó, họ lại nghĩ mình có nhiều, họ đến vay vò. Khó lắm mợ ạ.” Mẹ tôi nghĩ ra: “Phải đó. Thôi để mợ bảo Hai xúc sẵn vào thúng để đó. Anh ấy đến là cứ việc gánh về nhà.”

(còn tiếp)